TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2019
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**
2. Ông **Dương Tấn Đấu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGD ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Xin ly hôn ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh **Lưu Hồng L,** sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện P tỉnh K.

(Chị H và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn chị Trần Thị Huệ trình bày: Năm 2002, chị và anh L tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AM, huyện AM, tỉnh K, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 1, ngày 10/6/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vì anh L ham mê cờ bạc nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì nghĩ đến tương lai của các con nên chị cố gắng chịu đựng, chị đã nhiều lần khuyên nhũ anh L, không

những anh L không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Do chuyện mâu thuẫn của vợ chồng không giải quyết được nên chị và anh L sống ly thân với nhau cho đến nay đã 06 tháng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân thực sự tan vỡ, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có với nhau hai người con chung tên Lưu Nhật M, sinh ngày 22/6/2003 và Lưu Nhật K, sinh ngày 23/5/2011. Hiện các con đã lớn có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu các con có nguyện vọng sống với chị thì chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lưu Hồng L trình bày: Vợ chồng kết hôn vào tháng 4/2001. Qua 18 năm chung sống vợ anh là một phụ nữ hiền lành, biết chăm lo cho gia đình và cha mẹ hai bên. Riêng bản thân anh có nhiều khuyết điểm, nhiều thói hư tật xấu, không hiểu nổi khổ của vợ, là một người vô tâm. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh đồng ý ly hôn để cả hai có cơ hội làm lại cuộc đời.

Về con chung: Hiện các con đã lớn có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu các con có nguyện vọng sống với chị H thì anh không phải cấp dưỡng nuôi còn cùng chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Lưu Nhật M và Lưu Nhật K đồng trình bày: Hiện cháu đang chung sống với mẹ. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu xin được sống với mẹ. Đây là nguyện vọng của cháu không ai ép buộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Lưu Hồng L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002, chị H và anh L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AM, huyện AM, tỉnh K theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01 ngày 10/6/2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L ham mê cờ bạc, chị H nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay

đổi nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân với nhau đã 06 tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh L.

Tại bản tự khai chị H khẳng định không còn tình cảm với anh L nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 20/3/2019 anh L cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy chị H và anh L thuận tình ly hôn, tuy nhiên do các bên đều không có mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L. Xét tình cảm của chị H và anh L không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến thì cả hai cháu Lưu Nhật M và Lưu Nhật K đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lưu Nhật M, sinh ngày 22/6/2003 và cháu Lưu Nhật K, sinh ngày 23/5/2011 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi còn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh L cam kết không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lưu Hồng L.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Nhật M, sinh ngày 22/6/2003 và cháu Lưu Nhật K, sinh ngày 23/5/2011 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị H và anh L có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008294 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chi H đã nộp xong. Anh L không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản bán được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Hồng